

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 167/2023/HS-ST

Ngày: 26-6-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Ngọc Thảo

2. Bà Bùi Thị Phương Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 129/2023/TLST - HS, ngày 28 tháng 4 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/HSST-QĐ, ngày 12/6/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Quang T**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 08/02/1995; Tại: Tỉnh Đắk Lắk;

Hộ khẩu thường trú: 146 H, phường T1, thành phố B; Chỗ ở hiện nay: 17 T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Quang T3 (đã chết); Con bà Trần Thị L, sinh năm 1967; Bị cáo có vợ là Lê Thị Mai S, sinh năm 1995 và 02 con: Con lớn sinh năm 2016; con nhỏ sinh năm 2018;

Tiền án: 01 Tiền án:

Ngày 28/02/2019, bị Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 07 tháng tù về tội: Cưỡng đoạt tài sản (Bản án 08/2019/HSST). Ngày 28/7/2019, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống. Bị cáo chưa chấp hành phần trách nhiệm dân sự của Bản án.

Tiền sự: Không.

Hiện nay bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Đắk Trung từ ngày 17/12/2021 về tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo Bản án hình sự số 122/2022/HS-ST, ngày 30/11/2022, của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, án phạt 18 (mười tám) năm tù. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1./ Bà Lê Thị Ngọc T4, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 97/23 Y, phường T5, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- 2./ Ông Lê Ngọc M, sinh năm 1963 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn H1, xã Đ, huyện L1, tỉnh Đắk Lắk.
- 3./ Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1991 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường T5, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
- 4./ Văn Phòng Công chứng Đ1.
Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1961 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Số 38 N, phường T5, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
- 5./ Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1961 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường T6, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
- 6./ Ông Võ Phước S, sinh năm 1996 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 97, Tổ dân phố Q, thị trấn E, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk.
- 7./ Ông Trần Đạo T7, sinh năm 1988 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Buôn Đ2, xã C2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
- 8./ Bà Nguyễn Thị Mỹ H2, sinh năm 1989 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 35 N1, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
- 9./ Ông Trần Trung K, sinh năm 1975 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: 107 A, phường T8, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Người làm chứng: Ông Lê Văn N2, sinh năm 1978 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Hẻm 414 H3, phường T8, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quang T, sinh ngày 08/02/1995, trú tại: 146 H, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và chị Lê Thị Ngọc T4, là bạn bè quen biết và thường xuyên cùng chị T4 về nhà ông Lê Ngọc M, sinh năm: 1963, trú tại: Thôn H1, xã Đ, huyện L1, tỉnh Đắk Lắk (bố ruột của chị T4) chơi. Ngày 23/5/2021, Thông nói ông M cho T vay tiền để làm ăn, hẹn một tháng sẽ trả, ông M đồng ý và cho T vay số tiền 300.000.000 đồng.

Tháng 7/2021, T vay của ông Trần Trung K, sinh năm: 1975, trú tại: 107 A, phường T8, thành phố B (là chú ruột của T) số tiền 900.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng hai thửa đất tại xã C3, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk, của vợ chồng bà Nguyễn Thị T9, sinh năm: 1985 và ông Ngô Anh B2, sinh năm: 1982, cùng trú tại: 487/12 N3, phường T8, thành phố B. Hợp đồng Công chứng chuyển nhượng hai thửa đất giữa T với vợ chồng bà T9 và ông B2 được ký kết vào ngày 02/7/2021. Sau đó, T và T4 bàn bạc sẽ vay mượn tiền trả cho ông K rồi bán hai thửa đất trên cho người khác để kiếm tiền lời. Vào ngày 02/8/2021, T vay của ông M số tiền 900.000.000 đồng.

Sau khi biết T đã nhận được hai GCNQSDĐ số DA 332778 và GCNQSDĐ số DA 332779 thì T4 và chị Nguyễn Thị L2, sinh năm: 1991, trú tại: số 22 T10, phường T8, thành phố B (là bạn của T và T4) tìm khách để bán lại hai thửa đất trên, nhưng chưa bán được. Đến khoảng tháng 10/2021, ông M nhiều lần đòi tiền nên T đưa hai GCNQSDĐ nêu trên cho T4 để đưa cho ông M làm tin. Khoảng

một tuần sau, T đến gặp ông M nói ông M đưa lại hai GCNQSDĐ để T tìm người mua đất, nên ông M đã đưa hai GCNQSDĐ này cho T. Sau đó, T chuyển nhượng 02 Thửa đất này cho anh Nguyễn Tiến L3, sinh năm: 1992, trú tại: 646 V, phường K1, thành phố B và vợ tên Dương Thị Thùy L4, sinh năm: 1993, trú tại: Tổ dân phố 2, phường T11, thành phố B, với số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 18/11/2021. Do số tiền bán đất không đủ nên T chưa trả tiền cho ông M.

Cùng trong khoảng thời gian này T lên mạng xã hội Facebook đặt làm hai GCNQSDĐ giống với GCNQSDĐ số DA 332778 và GCNQSDĐ số DA 332779, với giá 250.000 đồng mỗi giấy tờ giả, mục đích mang hai GCNQSDĐ giả đi cầm cố tại tiệm cầm đồ để lấy tiền tiêu xài và sử dụng ma túy. Khi nhận được hai GCNQSDĐ giả nêu trên, T mang đi cầm cố tại tiệm cầm đồ trên đường Y1, thành phố B (không rõ địa chỉ và đối tượng cầm đồ) với số tiền 100.000.000 đồng. Sau đó, T nói với T4 trả cho T 100.000.000 đồng và đi chuộc 02 Giấy CNSĐĐ nêu trên. Sau khi chuộc Giấy CNSĐĐ, T4 trao đổi với T đến Văn phòng công chứng để ký Hợp đồng ủy quyền hai thửa đất cho ông M để ông M yên tâm thì Thông T không đồng ý và nói với T4 là để tự T giải quyết.

Ngày 13/12/2021, T4 nhờ chị Nguyễn Thị L2 liên hệ Văn phòng Công chứng Đ1, địa chỉ 38 N, thành phố B, lập Hợp đồng ủy quyền trên để cho T đến ký tên trước, khi ký Hợp đồng T không đọc nội dung, ký xong thì T đi về. Sau đó, ngày 17/12/2021, Trần Quang T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy nên T4 nhờ L2 tìm người mua lại hai thửa đất của T để trả tiền cho ông M. Sau đó, L2 liên hệ với chị Nguyễn Thị Mỹ H2, sinh năm: 1989, trú tại: 35 N1, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thì chị H2 đồng ý mua lại hai thửa đất trên. Khi các bên đã thống nhất thỏa thuận với nhau xong thì L2 liên hệ Văn phòng Công chứng Đ1 để soạn thảo các Hợp đồng công chứng thể hiện nội dung T ủy toàn quyền hai thửa đất cho ông M rồi ông M bán hai thửa đất trên cho chị H2. Đến ngày 21/12/2021, T4 và L2 đưa ông M đến ký tên vào hợp đồng công chứng T ủy quyền cho ông M và hợp đồng ông M chuyển nhượng đất cho chị H2. Khi hợp đồng đã ký kết xong thì hai bên đi đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B1 để làm thủ tục sang tên thì phát hiện hai GCNQSDĐ số DA 332778 và GCNQSDĐ số DA 332779 là hai giấy tờ giả nên cả hai không thực hiện việc chuyển nhượng, ông M đã đi trình báo sự việc đến Cơ quan Công an có thẩm quyền giải quyết.

Tại bản Kết luận giám định số 499/KL-KTHS, ngày 15/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số DA 332778 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số DA 332779 là giả và được làm bằng phương pháp in phun màu.

Tại bản Kết luận giám định số 1181/KL-KTHS, ngày 12/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký chữ viết họ tên Trần Quang T trên các tài liệu (Hợp đồng ủy quyền, giữa bên ủy quyền mang tên Trần Quang T với bên được ủy quyền mang tên Lê Ngọc M, đề ngày 21/12/2021 và Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất, giữa bên chuyển nhượng tên Trần Quang T và Lê Thị Mai S với bên nhận chuyển nhượng mang tên Trần Thị Thúy

T12, đề chứng thực ngày 03/11/2021) so với chữ ký, chữ viết mang tên Trần Quang T trên các bản tự khai của T là do cùng một người ký và viết ra.

Tại phiên tòa, bị cáo vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại Cáo trạng số: 143/CT-VKS-HS ngày 26/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Trần Quang T về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Trần Quang T, đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Quang T theo bản cáo trạng số 143/CT-VKS-HS ngày 26/4/2023 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Quang T từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Áp dụng Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt còn lại phải chấp hành đối với bị cáo.

Các biện pháp tư pháp

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, lưu giữ trong Hồ sơ vụ án đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 332778, thửa đất số 148 (cũ: 14), tờ bản đồ số 94 (cũ: 15) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 332779, thửa đất số 147 (cũ: 396), tờ bản đồ số: 94 (cũ: 13), cùng tọa lạc tại xã C3, thị xã B1, đều ghi sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/8/2021.

Các vấn đề khác đề nghị chấp nhận theo nội dung Bản cáo trạng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi của mình đã thực hiện. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ căn cứ kết luận: Do có ý thức coi thường pháp luật, coi thường trật tự quản lý hành chính, vào tháng 10/2021 trên địa bàn thành phố B, Trần Quang T đã lên mạng xã hội facebook đặt làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA

332778 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 332779. Sau đó, sử dụng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để cầm cố và thực hiện việc ủy quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bị phát hiện, xử lý. Đối với hành vi sử dụng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả tại tiệm cầm đồ: Do bà Lê Thị Ngọc T4 khai ra hành vi này của bị cáo trước, sau đó bị cáo mới thừa nhận hành vi sử dụng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để cầm cố. Còn đối với hành vi thực hiện việc ủy quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sau khi ông Lê Ngọc M phát hiện ra 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả nên đã trình báo sự việc đến cơ quan công an.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Điều 341 Bộ Luật Hình sự quy định:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

b, Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác.

.....”.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo Trần Quang T về tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án, xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là công dân có đủ nhận thức, bị cáo biết và buộc phải biết việc làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, coi thường trật tự quản lý hành chính nên bị cáo đã làm giả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an ninh tại địa phương, xâm phạm đến trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Xét tính chất của vụ án, hành vi của bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng trừng trị, cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo; đồng thời đủ sức răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 28/02/2019, bị Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 07 tháng tù về tội: Cưỡng đoạt tài sản (Bản án 08/2019/HSST). Ngày 28/7/2019, chấp hành xong hình phạt trở

về địa phương sinh sống. Tuy nhiên, bị cáo chưa chấp hành xong về phần trách nhiệm dân sự của Bản án nói trên. Do đó trong vụ án này bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố, bị cáo thể hiện thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử cần áp dụng khi quyết định hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Xét thấy bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt tù của bản án khác, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, lưu hồ sơ vụ án Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 332778, thửa đất số 148 (cũ: 14), tờ bản đồ số 94 (cũ: 15) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 332779, thửa đất số 147 (cũ: 396), tờ bản đồ số: 94 (cũ: 13), cùng tọa lạc tại xã C3, thị xã B1, điều ghi sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/8/2021.

[6] Các tình tiết khác:

Đối với việc ông Lê Ngọc M khai Trần Quang T vay của ông M số tiền 1.200.000.000 đồng nhưng Trần Quang T thừa nhận vay của ông Lê Ngọc M số tiền 900.000.000 đồng. Sau khi vay tiền, do ông M hối thúc trả nợ nên bị cáo Trần Quang T đưa 02 GCNQSD đất (thật) cho ông M giữ làm tin. Việc Thông ký Hợp đồng ủy quyền chỉ làm theo yêu cầu của Trâm, Thông không hứa hẹn gì về việc trả nợ. Đây là quan hệ dân sự nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý;

Đối với chị Lê Thị Ngọc T4, sinh năm: 1987, trú tại: Buôn Mai, xã Krông Bông, huyện L1, tỉnh Đắk Lắk và chị Nguyễn Thị L2, sinh năm: 1991, trú tại: số 22 T10, phường T8, thành phố B, chị T4 và chị L2 không biết và không liên quan đến hành vi Làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Trần Quang T nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị Lê Thị Ngọc T4 và chị Nguyễn Thị L2 là phù hợp;

Đối với Văn phòng Công chứng Đ1, địa chỉ: 38 N, phường T5, thành phố B do ông Đỗ Văn C, sinh năm: 1961, trú tại: Tổ dân phố 2, phường T6, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là Công chứng viên và là trưởng Văn phòng công chứng. Quá trình thực hiện Công chứng hợp đồng số: 019530 và số: 019531 ngày 21/12/2021 đã không thực hiện theo quy trình Công chứng “Không kiểm tra, đối chiếu bản chính giấy tờ trong hồ sơ công chứng theo quy định trước khi công chứng” dẫn đến việc Trần Quang T đã dùng hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 332778 và DA 332779 giả để ủy quyền cho ông M và ông M bán cho chị H2. Trước đó, Văn phòng công chứng Đ1 đã thực hiện công chứng 02 giao dịch chuyển nhượng đối với 02 Thửa đất nêu trên vào ngày 18/11/2021 và ngày 06/12/2021 nhưng không kiểm tra đối chiếu mà tiếp tục thực hiện công chứng hợp đồng ủy quyền vi phạm quy trình công chứng. Tuy nhiên, anh Võ Phước S và ông C không biết đây là hai

GCNQSDĐ giả, sau khi công chứng hợp đồng ủy quyền chưa gây hậu quả gì. Do đó, Cơ quan Điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Đỗ Văn C và anh Võ Phước S mà thông báo nội dung vi phạm của Văn phòng Công chứng Đ1 đến Sở tư pháp để xử lý, là phù hợp;

Đối với chị Nguyễn Thị Mỹ H2, sinh năm: 1989, trú tại: 35 N1, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là người ký hợp đồng chuyển nhượng với ông Lê Ngọc M thông qua hợp đồng ủy quyền của Trần Quang T. Tuy nhiên, quá trình thực hiện đã phát hiện 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện giao dịch là giả nên chị Hoa đã dừng giao dịch và chưa bị thiệt hại, chị Hoa cũng không yêu cầu gì nên Cơ quan điều tra không đề cập giải quyết;

Đối với hành vi Trần Quang T sử dụng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đi cầm cố tại tiệm cầm đồ trên đường Y1, thành phố Buôn Ma Thuột (không rõ địa chỉ và người cầm đồ). Sau đó, Thông đã trả tiền cho tiệm cầm đồ và chuộc 02 Giấy CNQSD đất nêu trên. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa xác định được tiệm cầm đồ và người cầm đồ nên cần tách ra để tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp;

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là phù hợp, nên HĐXX cần chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Quang T phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

Xử phạt bị cáo Trần Quang T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Căn cứ Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt 18 (Mười tám) năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 122/2022/HSST ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo Trần Quang T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo Trần Quang T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 21 (Hai mươi một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/12/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, lưu hồ sơ vụ án Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 332778, thửa đất số 148 (cũ: 14), tờ bản đồ số 94 (cũ: 15) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 332779, thửa đất số 147 (cũ: 396), tờ bản đồ số: 94 (cũ: 13), cùng tọa lạc tại xã C3, thị xã B1, điều ghi sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/8/2021.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo Trần Quang T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. Buôn Ma Thuột;
- THA phạt tù (để thi hành);
- Bị cáo; bị hại; Người liên quan;
- Lưu Hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Loan